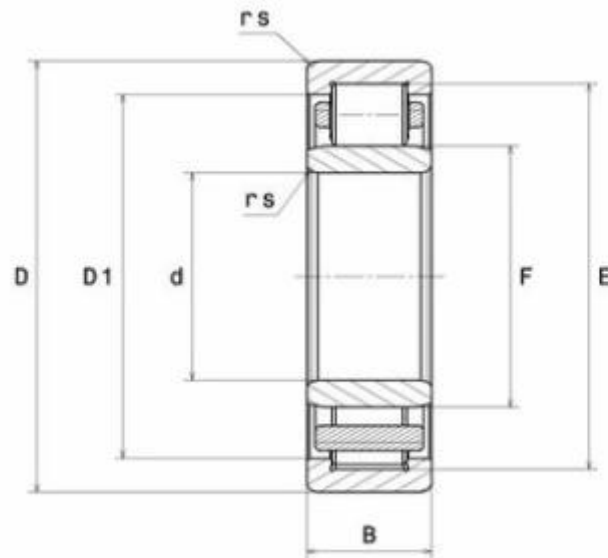


## Vòng bi NU1012G1C3



### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|                                   |          |
|-----------------------------------|----------|
| Thương hiệu / Hãng sản xuất       | NTN      |
| d - Đường kính lỗ trục            | 60 mm    |
| D - Đường kính ngoài              | 95 mm    |
| B - Chiều rộng                    | 18 mm    |
| E - Đường kính con lăn trên       | 85,5 mm  |
| F - Đường kính con lăn dưới       | 69,5 mm  |
| rs - Bán kính góc lượn tối thiểu  | 1,1 mm   |
| r1s - Bán kính góc lượn tối thiểu | 1 mm     |
| Khe hở vòng bi                    | C3       |
| Trọng lượng                       | 0,452 kg |

### HIỆU SUẤT SẢN PHẨM

|                                      |             |
|--------------------------------------|-------------|
| C - Tải trọng động cơ bản danh định  | 44,5 kN     |
| C0 - Tải trọng tĩnh cơ bản danh định | 48,5 kN     |
| Cu - Giới hạn tải trọng mỗi          | 5,9 kN      |
| N lim - Tốc độ giới hạn bôi trơn dầu | 8800 tr/min |
| N lim - Tốc độ giới hạn bôi trơn mỡ  | 7500 tr/min |
| Tmin - Nhiệt độ hoạt động tối thiểu  | -40 °C      |
| Tmax - Nhiệt độ hoạt động tối đa     | 120 °C      |

#### GIỚI HẠN

|                                           |         |
|-------------------------------------------|---------|
| da min - Đường kính vai tối thiểu IR      | 65 mm   |
| da max - Small face shoulder max diameter | 68 mm   |
| db min - Min inner ring GO diameter       | 71 mm   |
| Da max - Đường kính vai tối đa OR         | 88,5 mm |
| ra max - Bán kính góc lượn tối đa         | 1 mm    |
| r1a - Bán kính góc lượn tối đa            | 1 mm    |

**NTN**®



**VOBICO.VN**  
NTN Authorized Distributor